

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 581/2025/DS-PT

Ngày: 05-9-2025

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1. Bà Dương Thuý Hằng;

2. Ông Trần Thanh Tòng.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Tài, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2025/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2025, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2025/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10), tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 270/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1969; Địa chỉ: A, hẻm C, Đường H, Khu phố H, phường H, thành phố T (Nay là phường T), tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Chị Lê Thị Mỹ K, sinh năm 2005; Địa chỉ: C, khu phố N, phường N, thành phố T (Nay là phường N), tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Ngô Thị Ngọc N, sinh năm 1968; Địa chỉ: C, khu phố N, phường N, thành phố T (Nay là phường N), tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Huỳnh Văn A trình bày:

Bà M là chủ cửa tiệm T1, tại phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Chị Lê Thị Mỹ K là nhân viên làm thuê cho tiệm tóc của bà M từ ngày 19-7-2023 cho đến nay. Khi mới vào làm, bà M trả lương cho chị K 2.000.000 đồng/tháng. Từ tháng 7 năm 2024, bà M trả lương cho chị K 5.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, khi chị K bán dùm bà M sản phẩm chăm sóc da, tóc..., thì chị K được chia lợi nhuận 20%. Ngày 04-7-2024, bà M cho chị K vay số tiền 162.650.000 đồng, nhận tiền mặt một lần, chị K có làm giấy mượn tiền; không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ vay là trả hàng tháng qua hình thức trừ lương.

Đến ngày 07-9-2024, chị K vay bà M thêm số tiền 91.000.000 đồng, nhận tiền mặt một lần, không làm giấy nợ nhưng có xác nhận qua tin nhắn; không thỏa thuận lãi suất; thời hạn trả nợ vay là trả hàng tháng qua hình thức trừ lương cho đến khi hết nợ. Thỏa thuận khi nào chị K nghỉ việc thì phải trả hết nợ. Đến ngày 21-10-2024, chị K tự ý nghỉ việc.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu buộc chị Lê Thị Mỹ K trả cho bà M số tiền nợ tổng cộng là 253.650.000 đồng, bà M không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn-chị Lê Thị Mỹ K và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – bà Ngô Thị Ngọc N trình bày:

Chị K có làm thuê cho bà M tại Salon tóc B, thị xã H, Tây Ninh từ ngày 29-02-2024 cho đến 21-10-2024 thì ngưng không làm nữa. Trong thời gian làm thuê, bà M thỏa thuận trả lương cho chị K 2.000.000 đồng/tháng. Trong thời gian làm thuê, bà M gợi ý cho chị Kim H thêm nghề spa với số tiền học phí là 5.000.000 đồng và cho trả dần hàng tháng. Cụ thể hàng tháng khi trả lương 2.000.000 đồng thì chị K trả 600.000 đồng tiền cơm ăn ngày 02 bữa ở nhà bà M, còn 1.400.000 đồng thì trả tiền học phí. Tuy nhiên, khi đến ngày trả lương thì bà M trừ hết 2.000.000 đồng tiền học và bà N (mẹ chị K) trả cho bà M thêm 600.000 đồng tiền cơm mỗi tháng.

Quá trình làm, bà M mua sữa tắm, dầu gội, quần áo cho chị K sử dụng chung nhà, nhưng bà M tự ý ghi nợ cho chị K số tiền 13.000.000 đồng. Bà M còn tự cộng thêm tiền quần áo cũ của A 30.000.000 đồng (A làm chung chị K). Sau đó, bà M đưa thêm dụng cụ học phun xăm cho chị Kim H với giá 75.000.000 đồng nhưng bà N không biết và chị K từ chối, không đồng ý với số tiền nợ bà M, nhưng bị bà M cho người đe dọa yêu cầu chị K trả nợ. Bà M cấm không cho chị K nói với ai, giữ điện thoại của chị K, kiểm tra tất cả tin nhắn, không cho chị K về nhà. Do lo sợ nên chị K không dám nói với ai và cũng không trình báo công an.

Bà M lấy điện thoại của chị Kim T nhắn tin gửi qua điện thoại của bà M với nội dung là chị K xác nhận có nợ bà M số tiền trên. Bà M không chế, buộc

chị K ký giấy nhận nợ bà M nếu không bà M sẽ tung ảnh nhạy cảm của chị K mà bà M đã âm thầm ghi lén.

Ngày 04-7-2024, bà M đưa số tiền khoản vài chục triệu đồng và kêu chị Kim Đ giùm; trong lúc chị Kim Đ tiền thì bà M chụp lén để nói chị K vay tiền. Ngoài ra, bà M còn mua thuốc uống cho chị K nhưng lại tính tiền cho chị K 5.000.000 đồng, tự ghi mua bộ kéo cắt tóc 10.000.000 đồng cho chị K mà chị K không sử dụng.

Nay chị K không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M, vì chị K không nợ tiền bà M.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 71/2025/DS-ST ngày 07-5-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10), tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M đối với chị Lê Thị Mỹ K về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Lê Thị Mỹ K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 251.650.000 đồng (Hai trăm năm mươi một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn) đồng. Ghi nhận bà M không yêu cầu tính lãi.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M về việc yêu cầu chị Lê Thị Mỹ K trả cho bà M số tiền 2.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 19-5-2025 bị đơn chị Lê Thị Mỹ K có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M, vì chị K không nợ tiền bà M.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị Lê Thị Mỹ K; sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M; buộc chị K có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền 162.650.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Xét kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị Mỹ K yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M, vì chị K không nợ tiền bà M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu chị Lê Thị Mỹ K có nghĩa vụ trả cho bà M 02 (hai) khoản tiền vay gồm: Ngày 04-7-2024 là 162.650.000 đồng và ngày 07-9-2024 là 91.000.000 đồng; tổng cộng bà M cho chị K vay số tiền 253.650.000 đồng. Bà M cung cấp chứng cứ “*giấy mượn tiền ngày 04-7-2024 chị Kim M1 162.650.000 đồng*” do chị Kim V và ký tên (bút lục 76) và tin nhắn zalo “*ngày 07-9-2024 kim thiếu dì mỹ 91 triệu*” (bút lục 75). Nhận thấy:

2.1. *Đối với khoản nợ 162.650.000 đồng*: Theo bị đơn chị K trình bày cho rằng chị K không nợ bà M, do bà M ép buộc chị K ghi giấy mượn tiền ngày 04-7-2024 số tiền 162.650.000 đồng, nhưng chị K không chứng minh việc chị K bị bà M ép buộc ghi giấy nhận nợ này; do đó cấp sơ thẩm buộc chị K trả cho bà M số tiền nợ 162.650.000 đồng này là có căn cứ.

2.2. *Đối với khoản nợ 91.000.000 đồng*: Theo nguyên đơn bà M cung cấp tin nhắn ngày 07-9-2024 chị K xác nhận nợ bà M: “*kim thiếu dì mỹ 91 triệu*”, nhưng chị K không thừa nhận nợ và cho rằng tin nhắn này không phải do chị K nhắn tin cho bà M, vì trong thời gian ở tại nhà bà Mỹ thì bà M thường xuyên xem điện thoại của chị K; đồng thời, bà M không chứng minh được tin nhắn này do chính chị K là người nhắn tin xác nhận nợ. Do đó, không đủ cơ sở xác định chị K nợ bà M 91.000.000 đồng thông qua tin nhắn zalo này.

Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Mỹ K; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; sửa bản án sơ thẩm như nhận định trên.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do sửa án sơ thẩm nên cần điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo nên chị K không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Mỹ K;

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 71/2025/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 10), tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M đối với chị Lê Thị Mỹ K về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Lê Thị Mỹ K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 162.650.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi nghìn) đồng. Ghi nhận bà M không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M về việc yêu cầu chị Lê Thị Mỹ K trả cho bà M số tiền 91.000.000 đồng và 2.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Chị Lê Thị Mỹ K phải chịu 8.132.500 (Tám triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm) đồng.

3.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 4.650.000 (Bốn triệu, sáu trăm năm mươi nghìn) đồng; được trừ vào 5.891.250 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003770 ngày 03-12-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho bà M số tiền còn thừa.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lê Thị Mỹ K không phải chịu; hoàn trả cho chị K 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000097 ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố T.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 10, tỉnh Tây Ninh;
- THADS Khu vực 10, tỉnh Tây Ninh;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn